

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG



ĐẶNG THỊ THU MỸ

**HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI
NHÀN RỒI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM**

Chuyên ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã số: 8.34.01.01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ

HÀ NỘI - 2020

Luận văn được hoàn thành tại:

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN VĂN HẬU

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Vào lúc: giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Thư viện của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

I. MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Nguồn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được hình thành từ vốn được cấp trước, vốn được cấp sau hoặc kết hợp hai hình thức này. Đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi, việc quản lý nguồn vốn an toàn, hiệu quả theo hướng bảo toàn và phát triển là cơ sở quan trọng để bảo đảm thanh khoản dự phòng chi trả cho người gửi tiền, góp phần vào sự ổn định của hệ thống ngân hàng. Hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi được phần lớn các tổ chức bảo hiểm tiền gửi trên thế giới quan tâm. Ngoài việc đảm bảo đầu tư nguồn vốn an toàn, hiệu quả, hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi còn góp phần bảo toàn vốn, nâng cao năng lực tài chính để tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện các mục tiêu chính sách công.

Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam là tổ chức tài chính Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần vào sự ổn định của hoạt động tài chính, ngân hàng. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam nâng cao năng lực tài chính của tổ chức để đáp ứng nhu cầu phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam và hội nhập quốc tế.

Do vậy, Đề tài: ***“Hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam”*** nếu được áp dụng góp phần tăng cường năng lực tài chính để tham gia tái cơ cấu các tổ chức tín dụng yếu kém và thực hiện nhiệm vụ chính trị của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

2. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu:

Đầu tư được coi là mặt trận hàng đầu, là khâu then chốt trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của tổ chức, công ty trực thuộc lĩnh vực tài chính – ngân hàng – bảo hiểm. Đề tài nghiên cứu có nội dung hoạt động đầu tư trong lĩnh vực này mới chỉ được thực hiện chủ yếu tập trung vào hoạt động đầu tư nói chung của các ngân hàng thương mại và các công ty bảo hiểm. Có thể dẫn chứng một số nghiên cứu lý luận như sau:

Luận văn thạc sỹ của Phạm Việt Anh (2012) với đề tài: ***“ Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt”***. Bài luận văn đã hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề lý luận về hoạt động đầu tư và hiệu quả hoạt động đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm. Phân tích và đánh giá đúng thực trạng hoạt động đầu tư và hiệu quả hoạt động đầu tư tại Tổng công ty bảo hiểm Bảo Việt. Đề xuất các giải

pháp phù hợp để phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư tại Tổng công ty bảo hiểm Bảo Việt.

“Nghiên cứu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác than tại tỉnh Quảng Ninh, áp dụng cho công ty TNHH một thành viên than thống nhất – TKV” của tác giả Nguyễn Quốc Tuấn (2012). Luận án đã trình bày về các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh trong các doanh nghiệp khai thác than tại Quảng Ninh, áp dụng cho TKV giai đoạn 2011-2015.

“Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng ở Việt Nam hiện nay”, luận án của tác giả Cao Văn Kế (2015). Nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp và khuyến nghị nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng.

“Phân tích hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần sông Đà 2”, luận văn của tác giả Đỗ Lê Anh (2016). Thông qua phân tích thực trạng, tác giả đã đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn góp phần tăng năng lực, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần sông Đà 2.

Cho đến nay, trên thế giới và tại Việt Nam, chưa có đề tài nào có nội dung tập trung chuyên biệt vào hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Một số nghiên cứu của Ủy ban khu vực châu Á – Thái bình dương (APRC) trực thuộc Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế (IADI) cũng chỉ là những nghiên cứu nhỏ (review) thông qua số liệu khảo sát về các vấn đề cấp vốn, nguồn vốn, cơ chế nguồn vốn, hình thức đầu tư của các tổ chức bảo hiểm tiền gửi tại 16 quốc gia thành viên của APRC, bao gồm cả Việt Nam.

3. Mục đích nghiên cứu:

Đề tài này được thực hiện nhằm: Hệ thống hóa về mặt lý luận những vấn đề cơ bản về vốn, nguồn vốn, hoạt động đầu tư vốn và vai trò của hoạt động đầu tư nguồn vốn của tổ chức BHTG. Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN; đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của BHTGVN.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về không gian: Luận văn được nghiên cứu tại trụ sở chính và 8 chi nhánh của BHTGVN.

+ Về thời gian: Luận văn nghiên cứu tình hình và thực trạng hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong giai đoạn 2013-2019.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Luận văn sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp: Phương pháp thu thập số liệu, phương pháp phân tích tổng hợp, kết hợp lý luận với thực tiễn và phương pháp thống kê để làm sáng tỏ nội dung nghiên cứu đề tài.

- Các tài liệu, thông tin, số liệu thu thập từ IADI và các tổ chức Bảo hiểm tiền gửi trên thế giới, đặc biệt là nghiên cứu của IADI về nguồn vốn và đầu tư của 16 nước thành viên Ủy ban Châu Á – Thái Bình Dương (APRC) trực thuộc IADI. Các thông tin, số liệu, tài liệu của BHTGVN từ năm 2000 đến hết năm 2019.

6. Kết cấu của luận văn

Kết cấu của luận văn ngoài Phần Mở đầu và Kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về nguồn vốn và đầu tư của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Chương 2: Thực trạng hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUỒN VỐN VÀ ĐẦU TƯ CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

1.1. KHÁI QUÁT VỀ NGUỒN VỐN, HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

1.1.1. Một số khái niệm

Vốn hay nguồn vốn là nội dung không thể thiếu khi thành lập một tổ chức hay doanh nghiệp dùng để tiến hành sản xuất, đầu tư và kinh doanh. Vốn là một trong bốn yếu tố đầu vào quan trọng (vốn, lao động, tài nguyên và công nghệ kỹ thuật), đóng vai trò đảm bảo hoạt động được thực hiện thuận lợi theo các mục tiêu đã được đề ra.

Theo IADI, tại Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống BHTG hiệu quả (2014), nguồn vốn của tổ chức BHTG gồm: *“Vốn cấp ban đầu, thu phí BHTG, thu nhập từ đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi, thu hồi sau thanh lý và thu khác.”*

Trên thế giới, nguồn vốn của các tổ chức kinh doanh BH và TCBHTG cơ bản gồm vốn chủ sở hữu; vốn dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm để chi trả BH; và các nguồn hợp pháp khác.

Luật BHTG số 06/2012/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2012 quy định nguồn vốn của TCBHTG gồm *“1. Vốn điều lệ của tổ chức BHTG do ngân sách nhà nước cấp; 2. Nguồn thu từ phí BHTG; 3. Nguồn thu từ hoạt động đầu tư nguồn vốn...; và 4. Nguồn thu khác theo quy định pháp luật”*.

Hoạt động đầu tư của TCBHTG còn nhiều tranh cãi với hai luồng quan điểm: *Thứ nhất*, BHTG đơn thuần là công cụ của CP để chi trả BH, nên không có chức năng đầu tư và tìm kiếm lợi nhuận nhằm tránh các rủi ro khác có thể xảy ra; *Thứ hai*, khả năng tài chính của TCBHTG không nên lệ thuộc vào vốn ngân sách mà phải được tăng cường thông qua việc làm tốt chức năng đầu tư, góp phần hỗ trợ hiệu quả công tác xử lý rủi ro mà không cần hỗ trợ từ CP. Dù theo quan điểm nào, hoạt động đầu tư phải bảo đảm có sẵn nguồn vốn tối đa khi có đổ vỡ, chú trọng bảo toàn vốn, đảm bảo thanh khoản.

1.1.2. Vai trò của hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi

Hoạt động đầu tư NVTNR của BHTGVN có vai trò rất quan trọng trong việc tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn nhằm vừa đảm bảo an toàn và phát triển vốn đồng thời vừa giúp giảm gánh nặng nộp phí của tổ chức tham gia BHTG.

Ngoài ra, Hoạt động đầu tư NVTNTR của BHTGVN giúp đảm bảo nguồn thu để thanh toán các chi phí hoạt động của TCBHTG theo tỷ lệ trích nhất định.

1.1.3. Các nguyên tắc tạo nguồn và đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi

Nguyên tắc cơ bản tạo nguồn và đầu tư nguồn vốn nhàn rỗi:

a. Cơ chế cấp vốn cho hệ thống BHTG đa số là cấp vốn trước khi xảy ra đổ vỡ ngân hàng. Các cơ chế cấp vốn cần được xác định rõ và quy định cụ thể trong Luật hoặc các quy định khác.

b. Các ngân hàng thành viên sẽ có trách nhiệm chính đối với vấn đề cấp vốn cho hệ thống BHTG.

c. Vốn ban đầu hoặc vốn gốc được phép dùng để thành lập TCBHTG. Vốn ban đầu do CP cung cấp nên đa số ở các nước vốn cấp này được hoàn trả trước khi TCBHTG giảm đi một phần hoặc toàn bộ phí BHTG của các ngân hàng.

d. Các cơ chế cấp vốn khẩn cấp cho hệ thống BHTG, bao gồm cả nguồn cấp vốn thanh khoản được xác định trước và các nguồn thanh khoản có đảm bảo, phải được xác định công khai trong Luật hoặc quy định khác.

e. Sau khi đã thiết lập một quỹ BHTG có nguồn vốn được cấp trước

g. TCBHTG có trách nhiệm đầu tư và quản lý an toàn các quỹ do mình quản lý.

h. TCBHTG có thể gửi tiền tại NHTW. TCBHTG thiết lập và tuân thủ các nguyên tắc nhằm hạn chế đầu tư lớn tại các ngân hàng.

i. Nếu không phải là cơ quan xử lý, trong khuôn khổ luật pháp, TCBHTG có thể lựa chọn hình thức ủy quyền cho tổ chức/cơ quan khác sử dụng quỹ của mình để xử lý các tổ chức thành viên thay vì tiến hành thanh lý.

k. Nếu thu nhập/ doanh thu của TCBHTG (ví dụ từ thu phí, khoản thu hồi từ ngân hàng bị đổ vỡ, lãi thu từ các khoản đầu tư) phải chịu thuế bởi CP, mức thuế sẽ không quá cao so với các thuế công ty.

1.1.4. Nội dung hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi

Đầu tư là việc mua tài sản hoặc hàng hóa với hy vọng nó sẽ tạo thu nhập tương lai. Theo định nghĩa kinh tế học, hoạt động đầu tư là việc mua hàng hóa hôm nay để sử dụng cho tương lai nhằm tạo ra nguồn thu nhập. Về mặt tài

chính, đầu tư là tài sản bằng tiền được mua với ý tưởng tài sản đó sẽ tạo thêm thu nhập hoặc sau này được bán với giá cao hơn. Có hai hình thức đầu tư là đầu tư cho thu nhập cố định (mua trái phiếu, tiền gửi cố định, cổ phiếu ưu đãi...) và đầu tư cho thu nhập khác nhau (sở hữu doanh nghiệp, vốn chủ sở hữu hoặc tài sản). Như vậy, đầu tư là tạo lập vốn có khả năng sản sinh vốn. Doanh thu (lợi nhuận) từ đầu tư là thước đo hiệu quả đầu tư.

1.1.4.1. Mục tiêu của hoạt động đầu tư

Mục tiêu của hoạt động đầu tư đối với TCBHTG là hỗ trợ nhiệm vụ trọng tâm thực hiện chính sách công, phải đảm bảo tối đa vốn khi có đổ vỡ, hai mục tiêu là bảo toàn vốn và đảm bảo thanh khoản phải được ưu tiên lớn nhất. TCBHTG nhất thiết phải cân bằng mục tiêu đầu tư, thanh khoản và lợi nhuận. bằng cách cân bằng tỷ lệ lợi nhuận và phải bảo toàn vốn.

1.1.4.2. Các công cụ, tài sản đầu tư của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi

a. Tiền mặt (thị trường tiền tệ, tiền gửi): Tính thanh khoản cao đi kèm với chi phí cơ hội cao.

b. Trái phiếu Chính phủ: Là tài sản hấp dẫn có khả năng phòng vệ dựa trên sự tín nhiệm.

c. Trái phiếu gắn với lạm phát: Là TPCP có tiền gốc/lãi coupon gắn mã theo lạm phát.

d. Trái phiếu có bảo đảm: Là tài sản khá ổn định, được quản lý chặt và hỗ trợ bằng tài sản thế chấp, phù hợp với nhiều TCBHTG khi phân bổ trong đầu tư tổng thể.

e. Trái phiếu doanh nghiệp: Gắn với cơ hội rủi ro tín dụng, vỡ nợ hoặc bị giảm xếp hạng, nên nhà đầu tư thường chuyển sang TPCP để bù đắp thua lỗ. Khi thuận lợi, công cụ này có lợi tức cao hơn TPCP.

1.1.5. Hiệu quả đầu tư và nâng cao nghiệp vụ đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi

1.1.5.1. Hiệu quả đầu tư

Hiệu quả đầu tư là phạm trù kinh tế biểu hiện quan hệ giữa kết quả đầu tư và chi phí bỏ ra để có kết quả đó (hiệu quả trên chi phí bỏ ra) xét trong một thời kỳ nhất định. Có ba cách phân loại hiệu quả đầu tư: Theo phạm vi lợi ích có hiệu

quả tài chính và kinh tế - xã hội; Theo mức độ phát sinh trực tiếp hay gián tiếp có hiệu quả trực tiếp, gián tiếp; Theo cách tính toán, có hiệu quả tuyệt đối (hiệu số kết quả - chi phí) và tương đối (tỷ số kết quả - chi phí).

1.1.5.2. Nâng cao hiệu quả đầu tư

Nâng cao hiệu quả đầu tư đòi hỏi vốn đem đầu tư phải ổn định và tăng trưởng đều, gồm các yếu tố:

- Kế hoạch thu phí, hiệu quả thu phí.
- Chính sách Nhà nước trong tương quan nguồn thu phí và cơ hội đầu tư.
- Kế hoạch chi, phải dự kiến và xây dựng kế hoạch chi tiết đảm bảo sát thực tế, đồng thời quản lý chi phí hiệu quả.
- Hoạt động đầu tư phải lựa chọn cơ hội đầu tư tốt và đạt hiệu quả cao nhất.
- Việc theo dõi và quản lý vốn sau đầu tư phải được thực hiện sát sao.
- Các nguồn vốn hỗ trợ và/hoặc tiếp nhận hay đi vay góp phần bổ sung cho nguồn vốn của TCBHTG.

1.1.5.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư NVTTNR

Căn cứ Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống BHTG hiệu quả năm 2014, để đánh giá hiệu quả đầu tư NVTTNR của TCBHTG có thể thông qua các nhóm chỉ tiêu sau:

(1) Nhóm chỉ tiêu định lượng bao gồm: Quy mô và tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư của TCBHTG; Tỷ lệ vốn dành cho hoạt động đầu tư so với tổng nguồn vốn của TCBHTG; Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản đầu tư nắm giữ; Tốc độ tăng trưởng doanh thu từ hoạt động đầu tư vốn; Khả năng sinh lời vốn đầu tư; Chỉ tiêu về doanh thu; Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE); Lợi nhuận sau thuế; Năng suất lao động bình quân; Tỷ lệ nợ quá hạn.

(2) Nhóm chỉ tiêu định tính bao gồm

Trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, đánh giá hiệu quả đầu tư của TCBHTG phải được nhìn nhận ở hai góc độ: lợi ích đầu tư đem lại cho xã hội và chi phí trực tiếp, gián tiếp gắn với đầu tư.

1.2. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VỀ NGUỒN VỐN VÀ ĐẦU TƯ

1.2.1. Kinh nghiệm thực tiễn của các tổ chức Bảo hiểm tiền gửi về nguồn vốn và đầu tư

a) Nguồn vốn, cơ chế cấp vốn, quản lý quỹ BHTG

- Mục đích sử dụng quỹ BHTG: Quỹ BHTG của 16 tổ chức APRC được sử dụng cho 2 mục đích đó là (1) trả tiền bảo hiểm và cấp thanh khoản hỗ trợ chi trả; và (2) hỗ trợ tài chính cho tổ chức gặp vấn đề qua thương vụ mua lại và tiếp nhận (P&A), sáp nhập và mua lại (M&A), thành lập và cấp vốn cho ngân hàng bắc cầu tạm thời tiếp quản TCTC đổ vỡ. Mô hình chi trả với quyền hạn mở rộng và giảm thiểu rủi ro (chiếm hơn một nửa trong tổng số 16 tổ chức) có các công cụ xử lý sẵn có linh hoạt.

- Nguồn vốn và cơ chế cấp vốn: 16 TCBHTG thuộc APRC đều quy định rõ nguồn vốn quỹ BHTG (vốn cấp ban đầu, thu phí, thu từ đầu tư, thanh lý và thu khác). TCBHTG huy động và phát hành trái phiếu để tăng vốn.

- Phương thức bổ sung vốn thiếu hụt tại 16 tổ chức thành viên APRC gồm: Chính phủ bơm vốn hoặc cho vay từ ngân sách; tăng phí BHTG tức thời hoặc tương lai; và áp phí bổ sung đặc biệt. Quá nửa TCBHTG thành viên APRC được phép gây quỹ qua phát hành nợ. Trái phiếu do các TCBHTG phát hành không phải xếp hạng tín dụng.

b) Đầu tư nguồn vốn và thu nhập

Để đảm bảo an toàn và thanh khoản, hầu hết các TCBHTG APRC đầu tư vào công cụ an toàn như TPCP, trái phiếu ngân hàng, tín phiếu ngắn hạn hoặc gửi tiền NHTW hay TCTC lành mạnh.

1.2.2. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

- Cơ chế cấp vốn và đầu tư hiệu quả là nội dung quan trọng đảm bảo sự phát triển của TCBHTG. Đầu tư hiệu quả giúp bảo toàn và duy trì giá trị thực của vốn, nâng cao năng lực tài chính để duy trì thanh khoản chi trả và xử lý đổ vỡ và duy trì niềm tin công chúng.

- TCBHTG không nên lệ thuộc vào vốn ngân sách mà cần tăng cường năng lực tài chính qua hoạt động đầu tư.

- TCBHTG cần duy trì nắm giữ tài sản rủi ro thấp và thanh khoản cao. Hạn chế đầu tư hay gửi lượng tiền nhàn rỗi lớn vào ngân hàng, kể cả ngân hàng không

phải thành viên cũng như thay đổi tư duy về rủi ro lĩnh vực – tránh bỏ trứng một giỏ.

- Cơ cấu đầu tư được phép của Việt Nam hiện tập trung vào tài sản nợ quốc gia là TPCP và gửi tiền tại NHNN. BHTGVN cần cân nhắc hợp lý tỷ lệ nhỏ nắm giữ trái phiếu ngân hàng.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI NHÀN RỖI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

2.1. KHÁI QUÁT VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

BHTGVN ra đời theo Quyết định số 218/1999/QĐ-TTg ngày 09/11/1999 của Thủ tướng chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 07/07/2000. BHTGVN hoạt động theo khung pháp lý là Nghị định 89/1999/NĐ-CP, Quyết định 75/2000/QĐ-TTg, Nghị định 109/2005/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 89). Theo đó, BHTGVN là tổ chức duy nhất thực hiện chính sách BHTG nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền; hỗ trợ các tổ chức tín dụng gặp khó khăn; kiểm soát và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động ngân hàng.

Năm 2006, BHTGVN đã trở thành thành viên của Hiệp hội BHTG quốc tế (IADI). Luật BHTG số 06/2012/QH13 ra đời ngày 18/6/2012 và chính thức có hiệu lực từ 01/01/2013 là cơ sở pháp lý cao nhất cho hoạt động BHTG tại Việt Nam. Ngày 13/8/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1394/QĐ-TTg về việc thành lập BHTGVN và quy định chức năng, nhiệm vụ của BHTGVN, Quyết định số 1395/QĐ-TTg phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của BHTGVN. Theo đó, BHTGVN là tổ chức tài chính nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, thực hiện chính sách BHTG góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng. Ngày 01/4/2016, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 527/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ về tổ chức và hoạt động của BHTGVN ban hành theo Quyết định số 1395/QĐ-TTg. Theo đó, BHTGVN là tổ chức tài chính Nhà nước, hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của BHTGVN

Được quy định tại Quyết định 1394/QĐ-TTg ngày 13/8/2013 về việc thành lập BHTGVN.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức của BHTGVN

Trải qua 20 năm hoạt động, BHTGVN đã xây dựng mạng lưới hoạt động gồm Trụ sở chính tại Hà Nội và 08 Chi nhánh khu vực. Mô hình tổ chức của BHTGVN

gồm HĐQT và bộ máy giúp việc (Ban thư ký và Ban Kiểm toán nội bộ); Bộ máy điều hành gồm Tổng giám đốc, các Phó TGD và bộ phận giúp việc (các phòng ban, chi nhánh khu vực), phù hợp với thông lệ quốc tế và đảm bảo tính độc lập tương đối của TCBHTG theo hướng:

- Về tổ chức, Thủ tướng thành lập và bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT, Thống đốc NHNN bổ nhiệm Tổng giám đốc, các Thành viên HĐQT và các Phó Tổng giám đốc;
- Về tài chính, được cấp vốn điều lệ, hạch toán, bảo đảm an toàn vốn và tự bù đắp chi phí.

2.1.4. Kết quả hoạt động của BHTGVN

- Tính đến hết ngày 31/12/2019, BHTGVN đã cấp và thu hồi giấy chứng nhận bảo hiểm tiền gửi đối với 1.282 tổ chức tham gia BHTG, bao gồm 95 Ngân hàng và Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, 01 Ngân hàng hợp tác; 1.182 QTDND và 04 tổ chức tài chính vi mô

- Tính và thu phí bảo hiểm tiền gửi: mức phí BHTG là 0,15%/năm trên tổng số dư tiền gửi bình quân được bảo hiểm, áp dụng đồng hạng đối với tất cả các tổ chức tham gia BHTG

- BHTGVN thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục đối với 100% các tổ chức tham gia BHTG, thực hiện Báo cáo giám sát các tổ chức tham gia BHTG theo định kỳ và đột xuất khi cần thiết; đồng thời thực hiện giám sát chuyên sâu đối với các QTDND được phân loại ở mức 4 và mức 5.

- Tính từ năm 2013, BHTGVN đã tổ chức kiểm tra tại chỗ đối với 2.388 lượt tổ chức tham gia BHTG gồm 321 lượt NHTM, 2.147 lượt QTDND.

- Tính đến ngày 31/12/2019, tổng NVTTNR được đầu tư của BHTGVN là 56.736,5 tỷ đồng; hầu hết lượng vốn TTNR đã được đầu tư vào TPCP.

- Tính từ khi thành lập đến 31/12/2019, BHTGVN đã thực hiện chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền tại 39 QTDND (các ngân hàng chưa phát sinh chi trả BHTG) với tổng số tiền hơn 26,8 tỷ đồng cho 1.793 người gửi tiền.

- Tính đến thời điểm 31/12/2019, có 30 tổ chức tham gia BHTG đang được kiểm soát đặc biệt, bao gồm 04 ngân hàng và 26 QTDND. Đối với công tác thu hồi tài sản, BHTGVN theo dõi, đôn đốc bám sát kết quả hoạt động thanh lý 07 QTDND để tận thu số tiền bảo hiểm đã chi trả.

2.2. THỰC TRẠNG VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI NHÀN RỒI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

2.2.1. Cơ sở pháp lý về hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

Có ba hệ thống văn bản pháp lý về hoạt động đầu tư NVTNTR của BHTGVN: (1) hệ thống văn bản trực tiếp liên quan và điều chỉnh hoạt động đầu tư của BHTGVN; (2) hệ thống văn bản về điều kiện đầu tư trên thị trường tài chính; và (3) hệ thống văn bản quản trị điều hành nội bộ đối với hoạt động đầu tư.

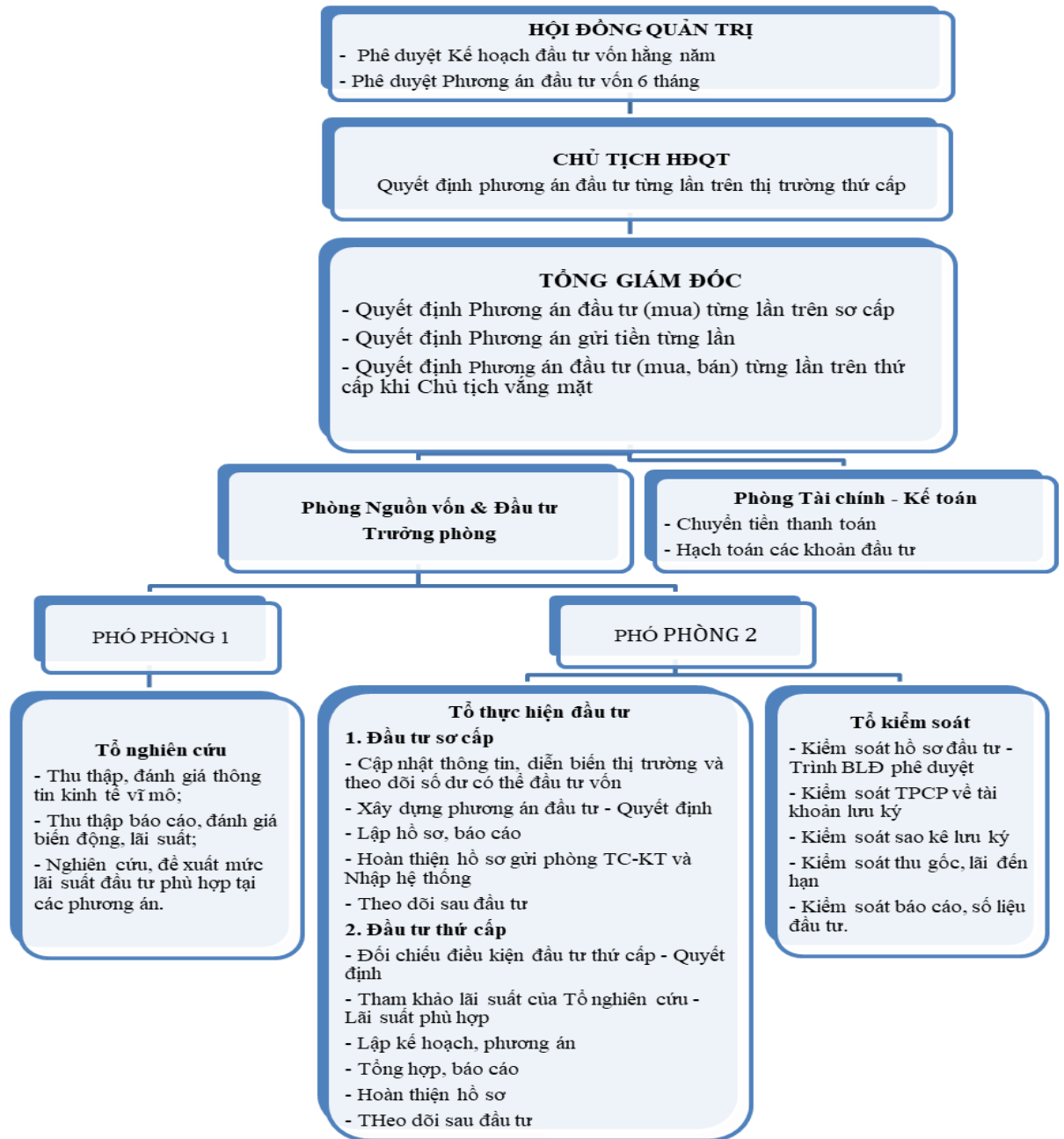
Bảng 2.2. Danh mục đầu tư của BHTGVN theo quy định pháp luật ở từng thời kỳ

TT	Trước Luật BHTG		Sau Luật BHTG
	1999-2004	2005-2012	2013-2020
1	Mua TPCP		
2	Mua trái phiếu, tín phiếu NHNN		Mua tín phiếu NHNN, Mua trái phiếu
	Mua trái phiếu, tín phiếu TCTD Nhà nước	Mua trái phiếu, tín phiếu của NHTM Nhà nước; Mua trái phiếu của NHTMCP được NHNN xếp loại A	
3	Gửi tiền tại Kho bạc Nhà nước (KBNN), NHNN		Gửi tiền tại NHNN
	Gửi tiền tại TCTD Nhà nước	Gửi tiền tại các NHTM Nhà nước, các NHTM Cổ phần được NHNN xếp loại A	

Nguồn: BHTGVN tổng hợp

2.2.2. Tổ chức bộ máy

Hoạt động đầu tư vốn của BHTGVN được thực hiện tại Trụ sở chính bởi Phòng NVĐT. Phòng NVĐT chịu trách nhiệm tất cả các bước, các khâu trong chu trình đầu tư, từ nghiên cứu thị trường, phân tích và đánh giá rủi ro, ra quyết định đầu tư đến kiểm soát, theo dõi sau đầu tư và hoàn thiện hồ sơ.



Hình 2.2. Mô hình tổ chức, thực hiện hoạt động đầu tư của BHTGVN

2.2.3. Nội dung hoạt động

Về cơ bản, NVTTNR là nguồn vốn bằng tiền thực có của BHTGVN tạm thời chưa sử dụng để trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền và thực hiện các khoản chi theo quy định. Trên thực tế, sau khi để lại hạn mức dự phòng chi trả tiền bảo hiểm và mức vốn đảm bảo cho chi hoạt động, toàn bộ NVTTNR đã được BHTGVN đem đầu tư để sinh lời và tăng quy mô quỹ BHTG.

2.2.3.1. Danh mục đầu tư

Tùy từng thời điểm và điều kiện thị trường, BHTGVN lựa chọn danh mục đầu tư để đảm bảo hiệu quả.

- Mua TPCP: Sau 15 năm, tỷ trọng đầu tư vào TPCP trên tổng số vốn đầu tư đã có sự tăng trưởng rõ rệt với tỷ lệ - tính đến hết năm 2019 – đạt trên 90%.

- Đầu tư tín phiếu NHNN: BHTGVN vẫn chưa thực hiện bất kỳ giao dịch nào liên quan mua tín phiếu NHNN vì một số nguyên nhân khách quan.

- Gửi tiền: Ngày 17/7/2015, NHNN ban hành quyết định cho BHTGVN được hưởng mức lãi suất 1,2%/năm. Mức lãi suất này thấp hơn nhiều lãi suất TPCP. Vì vậy tỷ trọng đầu tư vào hình thức này chỉ ở mức gần 10%.

2.2.3.2. Thị trường đầu tư

- Đầu tư TPCP trên thị trường sơ cấp: BHTGVN thực hiện mua TPCP trên thị trường sơ cấp từ năm 2003 với tỷ lệ ban đầu chỉ chiếm 0,73% tổng số vốn đầu tư. Đến hết 31/12/2019 là gần 89,25% (gần 38,2 nghìn tỷ đồng/42,8 nghìn tỷ đồng).

- Đầu tư TPCP trên thị trường thứ cấp: Tỷ lệ phân bổ vốn đầu tư thứ cấp những năm sau (2014-2020) được điều chỉnh theo hướng ưu tiên mua TPCP sơ cấp nhằm đảm bảo an toàn và phát triển vốn ổn định.

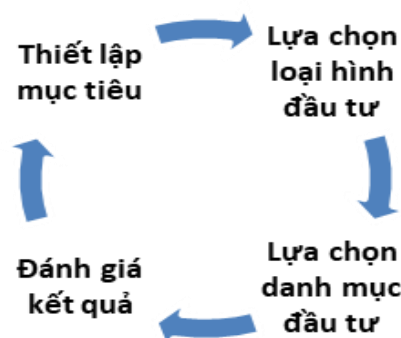
2.2.3.3. Kỳ hạn đầu tư

Tính đến hết năm 2019, lượng vốn nhàn rỗi đem đầu tư tập trung đáng kể vào hai kỳ hạn trung và dài hạn chiếm tỷ lệ trên 90% tổng nguồn vốn đầu tư của BHTGVN.

2.2.3.4. Quản lý vốn đầu tư

Thẩm quyền quyết định trong hoạt động đầu tư: HĐQT của BHTGVN có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch đầu tư vốn năm và Phương án đầu tư vốn 6 tháng; Chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc quyết định Phương án đầu tư (mua, bán) từng lần trên thị trường thứ cấp căn cứ vào mức vốn TTNR thực tế để đầu tư hoặc mức thu hồi theo quyết định của HĐQT.

2.2.3.5. Quy trình chi tiết các bước thực hiện hoạt động đầu tư



Hình 2.3. Quy trình thực hiện đầu tư của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

2.2.4. Kết quả hoạt động đầu tư theo một số chỉ tiêu cơ bản

- Quy mô và tốc độ tăng trưởng nguồn vốn đầu tư

Bảng 2.4. Tổng nguồn vốn đầu tư của BHTGVN thời kỳ 2013-2019

Đơn vị: tỷ đồng, %

Năm	Tổng nguồn vốn đầu tư (tỷ đồng)	Tăng trưởng so với năm trước (%)
2013	13.100	-
2014	7.750	- 40,4%
2015	9.700	25%
2016	10.200	5%
2017	11.807	15%
2018	12.400	5%
2019	13.500	8,9%

Nguồn: BHTGVN tổng hợp

- Cơ cấu tài sản đầu tư nắm giữ

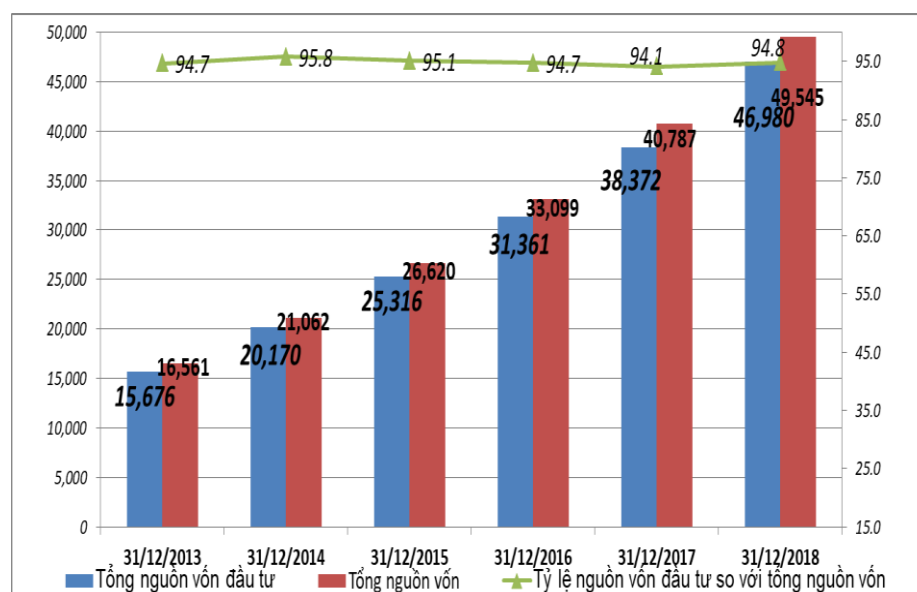
Bảng 2.5. Cơ cấu đầu tư giai đoạn 2013-2019

Đơn vị: tỷ đồng, %

CHỈ TIÊU	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng số tiền đầu tư trong năm	13.100	7.750	9.700	10.200	11.800	12.400	13.537
% trái phiếu CP	100%	100%	99,98%	99,98%	99,59%	99,98%	99,91%
% tiền gửi NHNN	0%	0%	0,02%	0,02%	0,41%	0,02%	0,09%
% tín phiếu NHNN	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

Nguồn: BHTGVN tổng hợp

- Tỷ lệ vốn dành cho đầu tư so với tổng nguồn vốn của BHTGVN

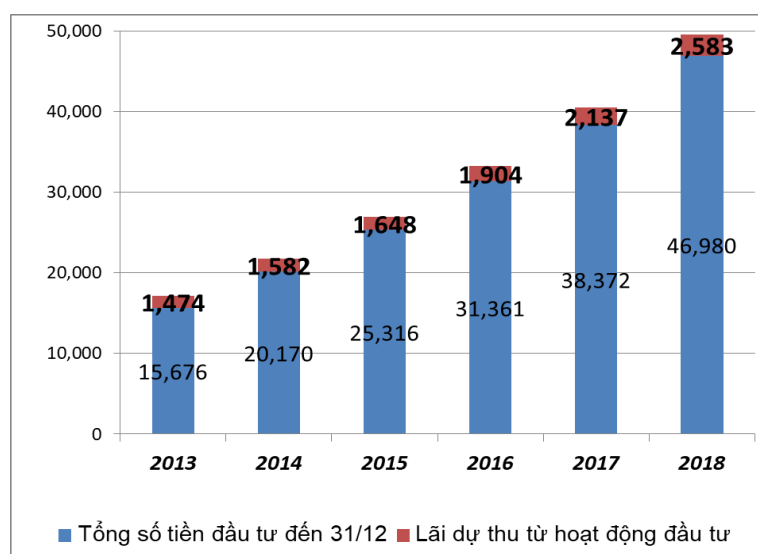


Đơn vị: tỷ đồng

Hình 2.4. Tỷ lệ nguồn vốn đầu tư trên tổng nguồn vốn

Nguồn: BHTGVN tổng hợp

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu từ đầu tư vốn; khả năng sinh lời vốn đầu tư

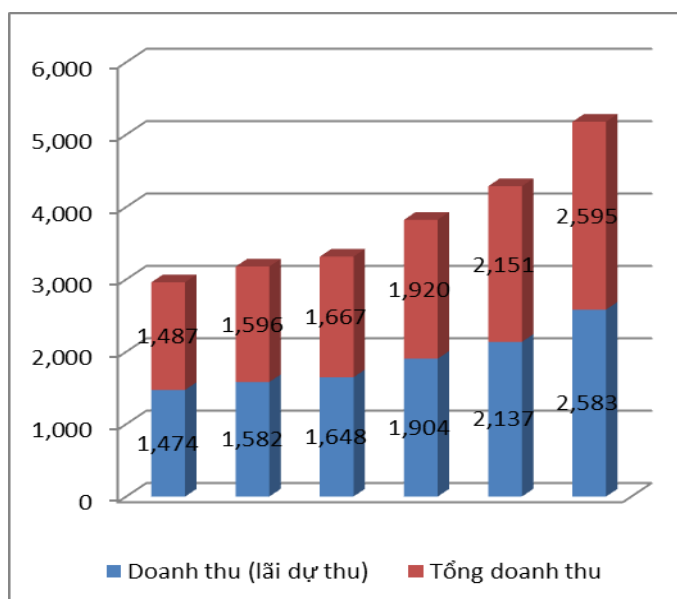


Đơn vị: tỷ đồng

Hình 2.5. Khả năng sinh lời của đồng vốn đầu tư

Nguồn: BHTGVN tổng hợp

- Tỷ trọng doanh thu từ đầu tư so với tổng doanh thu của BHTGVN



Đơn vị: tỷ đồng

Hình 2.6. Tỷ trọng doanh thu từ hoạt động đầu tư so với tổng nguồn thu từ 2013-2019

Nguồn: BHTGVN tổng hợp

- Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng nguồn vốn đầu tư

Hoạt động đầu tư của BHTGVN trong hơn chục năm qua không ghi nhận phát sinh nợ quá hạn.

- Lợi nhuận sau thuế; tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu; năng suất lao động

Bảng 2.6. Giá trị thực hiện của các chỉ số về lợi nhuận và năng suất

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	89,5	126,4	121,7	149,4
2	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (%)	1,6	2,2	2,1	2,53
3	Năng suất lao động bình quân (tỷ đồng/năm)	2,5	2,6	3,0	3,4

2.3.2. Một số tồn tại và nguyên nhân

Thứ nhất, cơ chế, chính sách còn một số điểm cần điều chỉnh.

Thứ hai, thiếu hụt nguồn vốn để đầu tư do Phòng Nguồn vốn đầu tư bị động số tiền để đầu tư và thời gian đầu tư. Lí do là do sự phối hợp với Phòng TCKT còn chưa hiệu quả.

Thứ ba, chiến lược đầu tư: Trong bối cảnh thị trường có diễn biến lãi suất bất thường, khi đầu tư TPCP trên thị trường thứ cấp còn chưa thật sự chuyên môn hóa cao, tồn tại nhiều hạn chế, bất cập.

Thứ tư, danh mục đầu tư thiếu đa dạng và không thực sự phù hợp với mục tiêu do Bộ tài chính và NHNN đặt ra.

Thứ năm, quản trị rủi ro khi đầu tư chưa thực sự hiệu quả. Hiện BHTGVN chưa thiết lập cơ chế kiểm soát rủi ro đầu tư theo mô hình một đơn vị hay phòng, ban, bộ phận độc lập nên chưa thể đảm bảo khách quan.

Thứ sáu, về hạ tầng thông tin phục vụ đầu tư hoạt động còn chưa ổn định, gây chậm trễ hoạt động đầu tư vốn cần phải nhanh-chuẩn-chính xác để có được kết quả đấu thầu tốt nhất.

Thứ bảy, về nguồn nhân lực thực hiện hoạt động đầu tư còn chồng chéo, chưa có sự phân tách rõ vai trò của bộ phận trước, trong và sau đầu tư.

Thứ tám, về tiếp cận nguồn vốn bên ngoài thông qua mở rộng hợp tác và đa dạng hóa quan hệ đối tác còn phức tạp trong thủ tục hành chính trong việc tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ.

Ngoài ra, các điều kiện tham gia dự thầu, lưu ký khi đầu tư còn phức tạp, tốn kém. Việc đấu thầu TPCP trên thị trường sơ cấp và mua TPCP trên thị trường thứ cấp thông qua các thành viên có thể làm giảm tính bảo mật thông tin của BHTGVN, tạo ra rủi ro an toàn đối với hoạt động đầu tư và các rủi ro về đạo đức khác.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI NHÀN RỖI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

3.1. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ VỐN NHÀN RỖI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

3.1.1. Định hướng phát triển Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

Thứ nhất, phát triển BHTGVN thành một tổ chức BHTG tiên tiến, hiệu quả, trong đó nghiệp vụ ứng dụng CNTT hiện đại.

Thứ hai, duy trì mục tiêu chính sách công của tổ chức với hạn mức BHTG phù hợp, đưa hệ thống phí bảo hiểm tiền gửi phân biệt vào hoạt động, các nghiệp vụ được thực hiện hiệu quả.

Thứ ba, nâng cao năng lực hoạt động, năng lực tài chính của BHTGVN và vai trò của BHTGVN trong quá trình tham gia xử lý các TCTD quy mô lớn.

3.1.2. Định hướng hoạt động đầu tư của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

3.1.2.1. Về việc đảm bảo các nguyên tắc trong đầu tư

BHTGVN có trách nhiệm đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí, có nghĩa vụ quản lý, sử dụng hiệu quả và bảo toàn nguồn vốn.

3.1.2.2. Về việc tham gia thực hiện các nhiệm vụ mới được giao

Hoạt động đầu tư NVTTNR của BHTGVN phải đáp ứng được các yêu cầu về năng lực tài chính để thực hiện các nhiệm vụ chính trị mới được giao, trong đó có việc tham gia vào quá trình tái cơ cấu các TCTD yếu kém theo quy định của Luật các TCTD sửa đổi.

3.1.2.3. Về việc bán TPCP khi Luật cho phép

Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1191/QĐ-TTg ngày 14/8/2017 bước đầu đã tháo gỡ vướng mắc hiện nay của BHTGVN về việc sẽ được bán TPCP trong trường hợp cần chi trả, đồng thời mở ra hướng đi linh hoạt việc mua, bán TPCP trên TTSC và TTTC.

3.1.2.4. Về quản lý vốn sau đầu tư

Việc quản lý và theo dõi sau đầu tư giúp sàng lọc và xử lý tốt nhất vấn đề có thể phát sinh liên quan đến chứng khoán về tài khoản lưu ký bị chậm, thanh toán chậm khoản gốc lãi hoặc báo sai số dư gốc lãi đến hạn.

3.2. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN TẠM THỜI NHÀN RỒI CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện cơ sở pháp lý và văn bản quản trị điều hành

(1) Hoàn thiện cơ sở pháp lý liên quan đến hoạt động đầu tư vốn

(2) Hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị điều hành nội bộ về đầu tư vốn để giải quyết những vướng mắc về điều kiện cần đầu tư, tham chiếu lãi suất đầu tư, chốt giá và hoàn thiện thủ tục như đã trình bày ở Chương 2.

3.2.2. Giải pháp về tăng cường nguồn vốn

Để tăng cường vốn kịp thời nhất sẵn sàng cho đầu tư đòi hỏi nguồn vốn đem đầu tư phải ổn định và tăng trưởng đều, làm cơ sở để tái đầu tư; việc quản lý trước-trong-sau đầu tư và quản lý chi tiêu phải đúng pháp luật và các bước trong quy trình thực hiện, trong đó:

(1) Về nâng cao hiệu quả quản lý phí BHTG

BHTGVN cần nâng cao chất lượng quản lý phí, cụ thể:

- Kế hoạch thu phí.
- Chính sách về phí BHTG.
- Cải tiến quy trình nghiệp vụ thu phí.

(2) Về quản lý các khoản thu từ đầu tư, theo dõi và quản lý sau đầu tư

(3) Về quản lý chi phí hiệu quả

(4) Về các nguồn vốn hỗ trợ và/hoặc tiếp nhận hay đi vay

(5) Về đảm bảo vốn điều lệ, lộ trình tăng vốn theo nhu cầu thực tế

3.2.3. Giải pháp về chiến lược đầu tư

3.2.3.1. Mở rộng đầu tư bằng việc bán TPCP khi Luật cho phép.

Mở rộng đầu tư bằng việc bán TPCP khi Luật cho phép là bước căn bản để thay đổi tính chất thụ động hoàn toàn trong Chiến lược đầu tư vào Trái phiếu chính phủ (chiếm 99% danh mục đầu tư hiện nay của BHTGVN).

3.2.3.2. Giải quyết khó khăn về đầu tư trên thị trường thứ cấp.

Những khó khăn và vướng mắc khi đầu tư TPCP trên thị trường thứ cấp như (i) Điều kiện để đầu tư trên thị trường thứ cấp chặt chẽ hơn so với thị trường sơ cấp, (ii) Quy định tại các văn bản nội bộ về yêu cầu tham chiếu lãi suất của các đơn vị và chỉ được mua của đơn vị có mức chào giá tốt nhất hiện đang ảnh hưởng đến cơ hội mua TPCP của BHTGVN do khối lượng chào bán của đơn vị được lựa chọn có thể chênh lệch so với khối lượng BHTGVN kỳ vọng mua và (iii) Việc BHTGVN quy định phải lấy báo giá của hai đơn vị khác trên thị trường ngoài đơn vị BHTGVN mua.

3.2.4. Giải pháp về danh mục đầu tư

BHTGVN cần xây dựng một danh mục đầu tư hiệu quả hơn. Theo đặc thù về tổ chức và hoạt động, danh mục đầu tư của BHTGVN theo quy định của Luật BHTG là rất hạn chế.

3.2.5. Giải pháp cải thiện chất lượng đầu tư và quản trị rủi ro

BHTGVN cần xây dựng bộ phận kiểm soát rủi ro độc lập để tránh việc cán bộ kiêm nhiệm nhiều vị trí, dẫn đến khó kiểm soát rủi ro, đặc biệt rủi ro đạo đức. Cần có quy chế quản trị rủi ro để phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn. BHTGVN cần quản trị và kiểm soát rủi ro hiệu quả với các quy trình cụ thể như:

- Nhận diện rủi ro.
- Phân tích rủi ro.
- Kiểm soát rủi ro.
- Giám sát và xử lý rủi ro.

3.1.6. Giải pháp nâng cao hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ đầu tư

BHTGVN cần ưu tiên thiết lập đường truyền internet riêng và độc lập phục vụ đấu thầu và mua thứ cấp, trang bị thêm đường kết nối internet dự phòng để đảm bảo thông suốt và nâng cao tốc độ kết nối mạng, giảm thiểu tối đa sự cố - đặc biệt trong phiên đấu thầu sơ cấp và ngày mua thứ cấp; có phương án nâng cấp hệ thống email nội bộ để đảm bảo năng lực vận hành thông suốt, giảm thiểu và có phương án xử lý kịp thời khi hệ thống quá tải dẫn đến gián đoạn liên lạc. Ban lãnh đạo phê duyệt mua tối thiểu 02 email dự phòng tên miền div.gov.vn

chạy trên nền tảng Google để dự phòng khi email nội bộ bị lỗi.

Về lâu dài, BHTGVN cần hướng đến việc tham gia vào hệ thống giao dịch TPCP trực tuyến trên nền tảng E-BTS (hệ thống giao dịch trái phiếu điện tử).

3.1.7. Giải pháp về nâng cao chất lượng nhân sự cho đầu tư

Nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quan trọng đối với hoạt động đầu tư. Điều này đang là thách thức đối với hoạt động đầu tư, trong đó có vấn đề đội ngũ nhân sự chuyên trách đầu tư và quản lý vốn. BHTGVN cần thực hiện:

- Đổi mới và kiện toàn công tác nhân sự đầu tư.
- Có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bổ sung nhân sự cho đầu tư nhằm nắm vững thông tin, kế hoạch, cơ sở pháp lý.

3.1.8. Giải pháp mở rộng hợp tác và đa dạng hóa quan hệ đối tác

BHTGVN cần phối hợp với các đối tác (HNX, các công ty chứng khoán, Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam - VBMA, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các đơn vị liên quan bên ngoài. . .) mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đầu tư trái phiếu và tạo điều kiện cho cán bộ tham gia.

BHTGVN cần tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác với các NHTM, các công ty chứng khoán để sử dụng dịch vụ của các đơn vị này. Thường xuyên và định kỳ tham gia các buổi hội thảo, tọa đàm với các đơn vị và thành viên thị trường để trao đổi kiến thức, kinh nghiệm trong đầu tư TPCP.

Việc lựa chọn đơn vị lưu ký xử lý nhanh, chính sách góp phần hỗ trợ BHTGVN quản lý hiệu quả các khoản đầu tư an toàn. Đa dạng hóa các đơn vị lưu ký sẽ giúp BHTGVN có thêm lựa chọn để đảm bảo an toàn trái phiếu lưu ký, lựa chọn được các đơn vị có chính sách phù hợp với BHTGVN nhất ở từng thời điểm và đảm bảo tính bảo mật.

3.3. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị đối với cơ quan liên quan

3.3.1.1. Kiến nghị với Chính phủ và Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật BHTG và các văn bản pháp lý

3.3.1.2. Kiến nghị đối với NHNN

3.3.1.3. Kiến nghị đối với Bộ Tài chính, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

BHTGVN kiến nghị Bộ Tài chính, HNX, NHNN và các đơn vị liên quan thống nhất xem xét cho BHTGVN được thực hiện tăng tỷ trọng trong mua TPCP trên sơ cấp và thứ cấp bắt đầu từ năm 2019 thay vì từ năm 2017 như yêu cầu của Lộ trình, đồng thời cho phép BHTGVN được bán TPCP cùng năm 2019.

3.3.2. Kiến nghị khác đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

3.3.2.1. Tham vấn, góp ý cho quá trình sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật

BHTGVN hiện chỉ mua và nắm giữ trái phiếu đến ngày đáo hạn. Hoạt động đầu tư do vậy chưa thực sự phù hợp với quy luật của thị trường. Trong quá trình sửa đổi Luật BHTG và các văn bản liên quan, BHTGVN cần chủ động tham vấn và đóng góp ý kiến về việc cho phép bán trái phiếu cũng như kiến nghị đối với các vấn đề đã được đề cập ở mục 3.3.1.2 và 3.3.1.3 nhằm góp phần nâng cao năng lực tài chính, trong khi vẫn đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn.

3.3.2.2. Xây dựng bộ phận kiểm soát đầu tư

Bộ phận kiểm soát đầu tư ở đây có thể chia ra thành các mảng như kiểm soát trước, kiểm soát sau. Đề xuất BHTGVN có bộ phận kiểm soát đầu tư độc lập với bộ phận đầu tư và nghiên cứu thị trường nằm trong Phòng Nguồn vốn và Đầu tư. HĐQT kiến nghị NHNNVN thành lập phòng Kiểm soát đầu tư nhằm hạn chế sai sót, rủi ro trong hoạt động đầu tư vốn.

3.3.2.3. Tăng cường chất lượng hoạt động nghiên cứu thị trường

Với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, cùng với các hệ thống thông tin hiện đại và chuyên nghiệp như Reuter chuyên cung cấp dịch vụ hỗ trợ tích hợp (các thông tin cơ bản, dữ liệu kinh tế, cách tính giá), cán bộ làm công tác nghiên cứu thị trường cần bám sát các chính sách của cơ quan quản lý Nhà nước như Bộ Tài chính, NHNN, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, HNX. . . để nghiên cứu và đề xuất đầu tư. Xây dựng hệ thống theo dõi và quản lý thông tin cập nhật, hiện đại để theo dõi sát diễn biến thị trường và có điều chỉnh phù hợp cũng như dự đoán xu hướng thay đổi lãi suất, từ đó tăng hiệu quả đầu tư.

3.3.2.4. Tăng cường hợp tác giữa Phòng NVĐT và phòng ban liên quan

Việc cân đối và thông báo NVTTNR thuộc trách nhiệm của Phòng TCKT, nếu thông tin đến chậm và/hoặc sát với lịch phát hành của KBNN và nhu cầu chào bán của các đối tác, cơ hội đầu tư ít hơn; và Sự phối hợp với Phòng Công nghệ tin học và Phòng Pháp chế, nếu chậm trễ đều có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động đầu tư vốn. Để nâng cao hiệu quả đầu tư NVTTNR, BHTGVN cần có văn bản quy định cơ chế rõ ràng hơn về sự phối hợp giữa các phòng ban có liên quan trong hoạt động đầu tư NVTTNR, đặc biệt cơ chế xử lý khi xảy ra chậm trễ trong quá trình phối hợp gây ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư vốn. Các phòng, ban tại Trụ sở chính và chi nhánh phải dự kiến và xây dựng kế hoạch chi phí một cách chi tiết theo tháng, quý, năm và đảm bảo số liệu sát với thực tế để Phòng NV&ĐT có thể dự kiến số tiền đầu tư hợp lý, góp phần xây dựng Kế hoạch thu nhập chính xác hơn.

III. KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu định hướng và mục tiêu đầu tư NVTTNR của BHTGVN đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, trên cơ sở những nội dung cơ bản về hoạt động đầu tư NVTTNR và phân tích thực trạng, các tiêu chí đánh giá ở 2 chương đầu tiên, tác giả đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những khó khăn, hạn chế khi thực hiện hoạt động này; đồng thời đề xuất một số kiến nghị và kiến nghị với các cấp, Bộ ngành liên quan trong việc góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư NVTTNR của BHTGVN.

08 nhóm giải pháp được đề xuất bao gồm: Thứ nhất, hoàn thiện cơ sở pháp lý và văn bản quản trị điều hành; Thứ hai, giải pháp về tăng cường nguồn vốn; Thứ ba, giải pháp về chiến lược đầu tư; Thứ tư, giải pháp về danh mục đầu tư; Thứ năm, cải thiện chất lượng đầu tư và quản trị rủi ro; Thứ sáu, nâng cao hệ thống hạ tầng CNTT phục vụ đầu tư; Thứ bảy, nâng cao chất lượng nhân sự cho đầu tư; Thứ tám, mở rộng hợp tác và đa dạng hóa quan hệ đối tác.

Với những giải pháp, kiến nghị kể trên, tác giả mong muốn đóng góp một phần vào quá trình xây dựng, nâng cao và hoàn thiện hoạt động đầu tư NVTTNR của BHTGVN một cách hiệu quả đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thực thi hiệu quả chính sách BHTG nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của các TCTD, đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.